|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2913/QĐ-UBND |  | *Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3795/TTr-SNN ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành Quyết định phê duyệt biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 của* *Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom, cụ thể:

1. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Định Quán: Tổng diện tích và biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 là 5.390,41 ha, trong đó:

- Vụ Đông Xuân 1.704,73 ha. Trong đó, lúa 405,26 ha (tưới bằng trọng lực 32,55 ha; tưới bằng động lực 372,71 ha); rau màu, cây khác 264,18 ha (tưới bằng trọng lực 34,14 ha; tưới bằng động lực 230,04 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 954,05 ha (tưới bằng trọng lực 81,28 ha, tưới bằng động lực 872,78 ha); cấp nước cho thủy sản 81,24 ha (bằng trọng lực 4,63 ha; bằng động lực 76,61 ha).

- Vụ Hè Thu 1.704,73 ha. Trong đó, lúa 652,05 ha (tưới bằng trọng lực 66,69 ha; tưới bằng trọng lực kết hợp động lực 140,82 ha; tưới bằng động lực 444,54 ha); rau màu, cây khác 17,39 ha (tưới bằng trọng lực kết hợp động lực 3,3 ha; tưới bằng động lực 14,09 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 954,05 ha (tưới bằng trọng lực kết hợp trọng lực 101,31 ha, tưới bằng động lực 771,46 ha, tưới tiêu bằng trọng lực 81,28 ha); cấp nước cho thủy sản 81,24 ha (bằng trọng lực 4,63 ha; bằng động lực 76,61 ha).

- Vụ Mùa 1.980,96 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới nước là 1.704,73 ha: Trong đó, lúa 652,05 ha (tưới bằng trọng lực 66,69 ha; tưới bằng trọng lực kết hợp động lực 140,82 ha; tưới bằng động lực 444,54 ha); rau màu, cây khác 17,39 ha (tưới bằng trọng lực kết hợp động lực 3,30 ha; tưới bằng động lực 14,09 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 954,05 ha (tưới bằng trọng lực kết hợp trọng lực 101,31 ha, tưới bằng động lực 771,46 ha, tưới tiêu bằng trọng lực 81,28); cấp nước cho thủy sản 81,24 ha (bằng trọng lực 4,63 ha; bằng động lực 76,61 ha).

+ Diện tích tiêu nước là 276,23 ha: Trong đó, lúa 183,68 ha (tiêu bằng trọng lực 183,68 ha); rau màu, cây khác 13,59 ha (tiêu bằng trọng lực 13,59 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 72,33 ha (tiêu bằng trọng lực 72,33 ha); thủy sản 6,63 (tiêu bằng trọng lực 6,63 ha).

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Xuân Lộc: Tổng diện tích và biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 là 1.558,12 ha, trong đó:

- Vụ Đông Xuân 459,10 ha. Trong đó, lúa 6,76 ha (tưới bằng trọng lực 6,67 ha); rau màu, cây khác 363,20 ha (tưới bằng trọng lực 340,09 ha, tưới bằng động lực 23,10 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 79,87 ha (tưới bằng trọng lực 78,31 ha, tưới bằng động lực 1,56 ha); cấp nước cho thủy sản 9,27 ha (bằng trọng lực 8,90 ha, bằng động lực lực 0,38 ha).

- Vụ Hè Thu 548,88 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới nước là 393,80 ha, trong đó, lúa 223,58 ha (tưới bằng trọng lực 223,58 ha); rau màu, cây khác 82,37 ha (tưới bằng trọng lực 82,37 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 78,31 ha (tưới bằng trọng lực 78,31 ha); cấp nước cho thủy sản 9,55 ha (bằng trọng lực 9,55 ha).

+ Diện tích tiêu nước là 155,08 ha. Trong đó, lúa 80,91 ha (tiêu bằng trọng lực 80,91 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 73,20 ha (tiêu bằng trọng lực 73,20 ha); nuôi trồng thủy sản 0,97 ha (tiêu bằng trọng lực 0,97 ha).

- Vụ Mùa 550,13 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới nước là 395,05 ha. Trong đó, lúa 231,46 ha (tưới bằng trọng lực 231,46 ha); rau màu, cây khác 75,74 ha (tưới bằng trọng lực 75,74 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 78,31 ha (tưới bằng trọng lực 78,31 ha); cấp nước cho thủy sản 9,55 ha (bằng trọng lực 9,55 ha).

+ Diện tích tiêu nước là 155,08 ha. Trong đó, lúa 80,91 ha (tiêu bằng trọng lực 80,91 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 73,20 ha (tiêu bằng trọng lực 73,20 ha); nuôi trồng thủy sản 0,97 ha (tiêu bằng trọng lực 0,97 ha).

3. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Cẩm Mỹ: Tổng diện tích và biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 là 1.350,17 ha, trong đó:

- Vụ Đông Xuân 566,49 ha. Trong đó, lúa 187,00 ha (tưới bằng trọng lực 187,00 ha); rau màu, cây khác 144,77 ha (tưới bằng trọng lực 144,77 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 234,72 ha (tưới bằng trọng lực 234,72 ha).

- Vụ Hè Thu 363,59 ha. Trong đó, lúa 178,82 ha (tưới bằng trọng lực 178,82 ha); rau màu, cây khác 134,77 ha (tưới bằng trọng lực 134,77 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 50 ha (tưới bằng trọng lực 50 ha).

- Vụ Mùa 420,09 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới là 360,09 ha. Trong đó, lúa 178,82 ha (tưới bằng trọng lực 178,82 ha); rau màu, cây khác 131,27 ha (tưới bằng trọng lực 131,27 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 50 ha (tưới bằng trọng lực 50 ha).

+ Diện tích tiêu là 60 ha. Trong đó: Rau màu, cây khác 60 ha (tiêu bằng trọng lực 60 ha).

4. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Vĩnh Cửu: Tổng diện tích và biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 là 4.760,09 ha, trong đó:

- Vụ Đông Xuân 1.238,89 ha. Trong đó, lúa 779,08 ha (tưới bằng trọng lực 16,85 ha; tưới bằng động lực 762,23 ha); rau màu, cây khác 8,18 ha (tưới bằng động lực 8,18 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 443,42 ha (tưới bằng trọng lực 47,59 ha, tưới bằng động lực 395,83 ha); cấp nước cho thủy sản 8,21 ha (bằng trọng lực 6,58 ha, bằng động lực 1,63 ha).

- Vụ Hè Thu 1.744,42 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới là 1.175,32 ha. Trong đó, lúa 715,51 ha (tưới bằng trọng lực 16,85 ha; tưới bằng động lực 698,66 ha); rau màu, cây khác 8,18 ha (tưới bằng động lực 8,18 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 443,42 ha (tưới bằng trọng lực 47,59 ha, tưới bằng động lực 395,83 ha); cấp nước cho thủy sản 8,21 ha (bằng trọng lực 6,58 ha, bằng động lực 1,63 ha).

+ Diện tích tiêu là 569,10 ha. Trong đó cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 569,10 ha (tiêu bằng trọng lực 569,10 ha).

- Vụ Mùa 1.776,78 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới là 1.211,08 ha. Trong đó, lúa 751,27 ha (tưới bằng trọng lực 16,85 ha; tưới bằng động lực 698,66 ha); rau màu, cây khác 8,18 ha (tưới bằng động lực 8,18 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 443,42 ha (tưới bằng trọng lực 47,59 ha, tưới bằng động lực 395,83 ha); cấp nước cho thủy sản 8,21 ha (bằng trọng lực 6,58 ha, bằng động lực 1,63 ha).

+ Diện tích tiêu là 565,70 ha. Trong đó cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 565,70 ha (tiêu bằng trọng lực 565,70 ha).

5. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Nhơn Trạch: Tổng diện tích và biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 là 1.847,98 ha, trong đó:

- Vụ Đông Xuân 776,51 ha. Trong đó, lúa 633,57 ha (tưới bằng trọng lực 145,06 ha; tưới bằng thủy triều 488,51 ha); rau màu, cây khác 18,87 ha (tưới bằng trọng lực 2,65 ha; tưới bằng thủy triều 16,22 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 124,07 (tưới bằng trọng lực 26,51 ha; tưới bằng thủy triều 97,56 ha).

- Vụ Hè Thu 826,93 ha. Trong đó, lúa 631,06 (tưới bằng trọng lực 145,06 ha; tưới bằng thủy triều 486,00 ha); rau màu, cây khác 86,87 ha (tưới bằng trọng lực 11,14 ha; tưới bằng thủy triều 75,73 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 109 (tưới bằng trọng lực 47,78 ha; tưới bằng thủy triều 61,22 ha).

- Vụ Mùa 244,54 ha. Trong đó, lúa 174,82 ha (tưới bằng trọng lực 115 ha; tưới bằng thủy triều 59,82 ha); rau màu, cây khác 11,14 ha (tưới bằng trọng lực 11,14 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 58,58 ha (tưới bằng trọng lực 47,78 ha; tưới bằng thủy triều 10,80 ha).

6. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Trảng Bom: Tổng diện tích và biện pháp tưới, tiêu các công trình thủy lợi năm 2021 là 1.699,85 ha, trong đó:

- Vụ Đông Xuân 509,22 ha. Trong đó, lúa 247,29 ha (tưới bằng trọng lực 247,29 ha); rau màu, cây khác 71,07 ha (tưới bằng trọng lực 71,07 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 109,97 ha (tưới bằng trọng lực 109,97 ha); cấp nước nuôi trồng thủy sản 80,90 ha (bằng trọng lực 80,90 ha).

- Vụ Hè Thu 595,31 ha. Trong đó, lúa 308,56 ha (tưới bằng trọng lực 308,56 ha); rau màu, cây khác 64,81 ha (tưới bằng trọng lực 64,81 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 137,65 ha (tưới bằng trọng lực 137,65 ha) cấp nước nuôi trồng thủy sản 84,30 ha (bằng trọng lực 84,30 ha).

- Vụ Mùa 595,31 ha. Trong đó, lúa 308,55 ha (tưới bằng trọng lực 308,55 ha); rau màu, cây khác 64,81 ha (tưới bằng trọng lực 64,81 ha); cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày 137,65 ha (tưới bằng trọng lực 137,65 ha) cấp nước nuôi trồng thủy sản 84,30 ha (bằng trọng lực 84,30 ha).

*(Chi tiết đính kèm Phụ lục)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Trảng Bom; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Võ Văn Phi** |